

Số: **1557**QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **29** tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc
ở nước ngoài giai đoạn **2024 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

Căn cứ Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ- TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 27/02/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 96/TTr-SLĐTBXH ngày 23/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024 - 2030.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Yên Bái và các cơ quan liên quan hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Đề án được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ *TH*

Nơi nhận: *TH*

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, TH, XD, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

ĐỀ ÁN

Đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: ~~1557~~ **1557** QĐ-UBND ngày **29** tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

1. Thực trạng dân số, lực lượng lao động

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Yên Bái, hết năm 2023, dân số toàn tỉnh là 855.529 người, trong đó: Nam 431.732 người (chiếm 50,5%), nữ 423.797 người (chiếm 49,5%); dân số thành thị 179.199 người (chiếm 20,9%), dân số nông thôn 676.330 người (chiếm 79,1%). Dân số trong độ tuổi lao động là 528.367 người (chiếm 61,7% dân số). Dân số của tỉnh Yên Bái hiện nay có độ tuổi trẻ, với dân số trong độ tuổi từ 15-39 chiếm 38%. So với các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Yên Bái đứng thứ 7 về quy mô dân số. Cùng với cả nước, dân số Yên Bái đang trong giai đoạn cơ cấu “dân số vàng”.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 376.218 người (chiếm 44% dân số), chia theo khu vực: Nông thôn 292.113 người (chiếm 77,6%), thành thị 84.105 người (chiếm 22,4%). Năm 2023, tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 53,8%; lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ chiếm 46,2%, so với cả nước tỷ lệ lao động của tỉnh làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp còn cao gần gấp đôi so với cả nước.

Mỗi năm, toàn tỉnh đào tạo nghề cho khoảng 20.000 người gồm: trình độ cao đẳng, trung cấp khoảng 4.500 người, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 15.500 người. Hết năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo của toàn tỉnh đạt 67,7%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ đạt 36,7%. Bình quân mỗi năm, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 22.000 lao động, trong đó, từ phát triển kinh tế xã hội 11.500 lao động, từ vay vốn giải quyết việc làm 2.300 lao động, xuất khẩu lao động 400-500 lao động, cung ứng lao động đi tỉnh ngoài 8.500 lao động.

2. Kết quả đưa người lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và làm việc theo thời vụ thời gian qua

Giai đoạn 2019-2023, tỉnh Yên Bái đã đưa 2.212 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (bình quân 440 người/năm) tại các thị trường, trong đó: Nhật Bản 617 lao động; Hàn Quốc 159 lao động; Đài Loan 534 lao động; Nga, Đức, Trung Đông 272 lao động; Lào, Thái Lan, Malaysia 177 lao động; thị

trường khác 453 lao động. Ngành nghề làm việc của lao động tập trung chủ yếu như: Sản xuất chế tạo, may mặc, điện tử, giúp việc gia đình, hộ lý, xây dựng...

Chia theo các địa phương: Thành phố Yên Bái 230 lao động; huyện Yên Bình 255 lao động, huyện Trấn Yên 242 lao động, huyện Văn Yên 454 lao động, huyện Lục Yên 153 lao động, huyện Văn Chấn 491 lao động, Thị xã Nghĩa Lộ 224 lao động, huyện Trạm Tấu 156 lao động, huyện Mù Cang Chải 7 lao động.

Thu nhập của lao động đi làm việc ở nước ngoài cao hơn từ 2 đến 3 lần thu nhập trong nước. Thu nhập tiết kiệm của lao động từ 35-50 triệu đồng/tháng (đối với thị trường có thu nhập cao như Hàn Quốc và Nhật Bản); từ 13-15 triệu đồng/tháng (đối với thị trường có thu nhập trung bình như UAE, Đài Loan); từ 8-10 triệu đồng/tháng (đối với thị trường lao động giản đơn như Malaysia, Lybia). Lao động trở về từ Hàn Quốc có mức tiết kiệm bình quân đầu người 670 triệu đồng/người; Nhật Bản là 520 triệu đồng/người; Đài Loan là 350 triệu đồng/người; Malaysia với 120 triệu đồng/người.

Về đưa lao động đi làm việc theo thời vụ: Hiện nay cả nước mới triển khai thực hiện đối với thị trường Hàn Quốc theo hình thức thí điểm từ năm 2022 (Theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 27/4/2022 của Chính phủ), huyện Văn Yên đã ký kết hợp tác với quận Wando, tỉnh Jeolla Nam-do, Hàn Quốc và đã được 35 lao động đi làm việc thời vụ lĩnh vực nông nghiệp tại Hàn Quốc (trong đó: dân tộc Kinh: 22 lao động; dân tộc Tày, Dao 13 lao động); 02 lao động thuộc hộ nghèo. Thu nhập của lao động từ 37-38,5 triệu đồng/tháng. Sau thời gian làm việc tại Hàn Quốc, người lao động có thu nhập đem về nước khoảng 100-120 triệu đồng, sau khi kết thúc hợp đồng, nhiều lao động đã được tiếp tục ký hợp đồng và ở lại Hàn Quốc làm việc. Chương trình đã góp phần tạo cơ hội việc làm, thu nhập phù hợp cho lao động nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Thực tế tại nhiều địa phương, công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài có hiệu quả quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Những địa bàn có nhiều người đi xuất khẩu lao động đã góp phần vào giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao thu nhập, đời sống người dân. Tuy nhiên, so với cả nước và các tỉnh lân cận, số lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài còn thấp và chưa tương xứng với tiềm năng lao động và nhu cầu giải quyết việc làm của tỉnh. Đa số lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài là lao động phổ thông, chưa có tay nghề nên mức thu nhập thấp; số lao động đi làm việc theo thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương còn ít.

3. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Hiện nay, tỉnh Yên Bái đang thực hiện các chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài do trung ương ban hành đối với các nhóm đối tượng gồm:

- Người lao động cư trú trên địa bàn các huyện nghèo, gồm lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Thực hiện theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Người lao động là người dân tộc thiểu số: Thực hiện theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thân nhân người có công với cách mạng: Thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

- Lao động bị thu hồi đất: Thực hiện theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất.

- Chính sách hỗ trợ cho vay vốn đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài: Thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ cho vay ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người lao động theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc.

Các chính sách hỗ trợ của nhà nước đã hỗ trợ cho người lao động gồm: Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, ở, sinh hoạt phí, đi lại trong thời gian đào tạo; hỗ trợ chi phí làm các thủ tục đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm hoặc từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đến nay, tổng nguồn vốn thực hiện cho vay giải quyết việc làm đã thực hiện là: 807.455 triệu đồng, gồm: Vốn ngân sách trung ương 622.845 triệu đồng (chiếm 77%); Vốn ngân sách địa phương chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ủy thác 184.610 triệu đồng (chiếm 23%), trong đó vốn ngân sách tỉnh là 149.285 triệu đồng; vốn ngân sách cấp huyện là 35.352 triệu đồng).

4. Đánh giá chung

4.1. Những kết quả đạt được

- Công tác đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh¹. Các cấp, ngành, địa phương đã vào cuộc và phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện công tác xuất khẩu lao động.

- Công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác xuất khẩu lao động được đẩy mạnh, triển

¹ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 27/02/2023 về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới; Đồng thời, Tỉnh ủy đã giao chỉ tiêu xuất khẩu lao động trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm. UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu xuất khẩu lao động thuộc chỉ tiêu giải quyết việc làm trong các Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm, ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 19/6/2023 về việc đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Yên Bái và nhiều văn bản chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động.

khai tuyên truyền kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, ngành, địa phương và nhân dân biết và triển khai thực hiện.

- Các ngành, địa phương đã giới thiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có uy tín, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp phép đến tư vấn, tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh đi xuất khẩu lao động. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đã tích cực kết nối với các địa phương để tuyển dụng, tư vấn cho người lao động tham gia xuất khẩu.

- Công tác tư vấn, giới thiệu xuất khẩu lao động được chú trọng thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú (như: Tổ chức các Ngày hội việc làm, các phiên giao dịch việc làm có sự tham gia của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, in ấn tờ rơi, tờ gấp, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở...) qua đó giúp nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, giúp người lao động tiếp cận kịp thời những thông tin tuyển dụng mới nhất của các doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Công tác cho vay vốn xuất khẩu lao động được các Ngân hàng quan tâm triển khai thực hiện nhằm tạo thuận lợi cho người lao động có nhu cầu vay vốn tiếp cận nguồn vốn tham gia xuất khẩu lao động.

- Kết quả công tác xuất khẩu lao động đã đóng góp quan trọng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần giảm nghèo bền vững tại các địa phương.

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, chưa chú trọng triển khai các giải pháp hiệu quả hỗ trợ, xuất khẩu lao động. Đặc biệt khi triển khai các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, số lao động được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình còn rất thấp.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn về xuất khẩu lao động còn hạn chế và chưa thực sự hiệu quả nên việc tiếp cận đầy đủ thông tin về xuất khẩu lao động của người lao động còn nhiều khó khăn.

- Số lượng lao động của tỉnh tham gia xuất khẩu lao động còn thấp so với các tỉnh và so với tiềm năng, lợi thế về lao động của tỉnh và nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại các địa phương, yêu cầu giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Chất lượng lao động chưa được cải thiện nhiều, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, văn hóa trong quá trình lao động tại nước bạn... còn nhiều hạn chế. Thu nhập bình quân của lao động xuất khẩu còn thấp hơn với các tỉnh khác trong nước.

- Đa số lao động trên địa bàn tỉnh tham gia xuất khẩu lao động là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo. Trình độ tay nghề, ngoại ngữ của lao động khi tham gia xuất khẩu còn thấp, khó đáp ứng nhu cầu thị trường lao động có yêu cầu cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức...

- Chương trình thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước mới được thực hiện. Do đặc thù công việc là thời vụ nên phía Hàn Quốc chỉ tiếp nhận lao động

vào hai đợt trong một năm, do đó số lượng lao động đi làm việc theo hình thức này trong hai năm thí điểm vừa qua chưa đáp ứng được nhu cầu của tỉnh.

- Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước chưa phủ hết các đối tượng có nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động, mức hỗ trợ còn thấp so với chi phí người lao động phải đóng góp; nguồn lực kinh phí hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu thực tế. Số lao động tiếp cận được chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu và chính sách vay vốn tín dụng đi xuất khẩu lao động còn thấp.

5. Nguyên nhân

- Nhận thức của một bộ phận người dân ở một số địa phương, đặc biệt là tại các huyện vùng cao, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về xuất khẩu lao động còn hạn chế. Tâm lý một bộ phận người dân, đặc biệt là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa còn ngại đi làm xa nhà.

- Thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh còn thấp nên nhiều người dân còn gặp khó khăn về kinh tế để tham gia xuất khẩu lao động.

- Nhận thức, năng lực và trình độ cán bộ ở một số địa phương, đặc biệt là cán bộ cấp thôn, bản, xã còn nhiều hạn chế, chưa chú trọng triển khai các giải pháp tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người lao động tham gia xuất khẩu lao động.

- Do đặc điểm địa lý, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống rải rác, phân tán, ít người lao động có đủ điều kiện đi làm việc ở nước ngoài, nên còn ít các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đầu tư khai thác, tổ chức tuyển lao động tại các tỉnh miền núi.

- Những năm gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khó khăn chung do sự biến động của tình hình chính trị, kinh tế thế giới ảnh hưởng đến nhu cầu tiếp nhận lao động nước ngoài của một số thị trường.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐƯA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI, GIAI ĐOẠN 2024-2030

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

- Giải quyết việc làm cho người lao động trong đó có đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài là một trong những nhiệm vụ quan trọng, góp phần phát huy nguồn lực về lao động, tạo việc làm và thu nhập bền vững cho người lao động. Trong những năm qua, tỉnh Yên Bái đã quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác xuất khẩu lao động, qua đó, đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, nâng cao trình độ, thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, số lao động của tỉnh tham gia xuất khẩu lao động hàng năm còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế lao động, nhu cầu giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho người lao động, đặc biệt là

lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số tham gia xuất khẩu lao động. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐNĐ ngày 11/7/2024 Quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Tỉnh Yên Bái đang tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại, trong đó có hoạt động hợp tác với Hàn Quốc, qua đó mở ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động của tỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Từ thực tế trên, việc ban hành Đề án đưa lao động của tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2030 là rất cần thiết, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh trong những năm tới, nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

- Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Các Thông tư: Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối

tượng chính sách khác; Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

- Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 27/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

Phần thứ hai

NỘI DUNG ĐỀ ÁN ĐƯA LAO ĐỘNG CỦA TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI, GIAI ĐOẠN 2024-2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tăng cường công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế lao động của tỉnh, là một trong những giải pháp quan trọng góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đặc biệt là trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kỹ luật lao động; chủ động tạo nguồn lao động có trình độ tay nghề tham gia xuất khẩu lao động, chú trọng lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp; gắn dạy nghề với đào tạo ngoại ngữ để tạo nguồn xuất khẩu lao động. Lựa chọn các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín, hoạt động hiệu quả.

- Tuyển chọn và đưa được lao động đi làm việc ở nhiều thị trường, nhất là thị trường có điều kiện lao động tốt, thu nhập cao. Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động có hoàn cảnh khó khăn tham gia xuất khẩu lao động nhằm cải thiện thu nhập, nâng cao trình độ, tạo việc làm bền vững cho người lao động.

2. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài nhằm giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động nhất là lao động ở nông thôn, địa bàn đặc biệt khó khăn; nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc tiên tiến cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2024-2030, toàn tỉnh phấn đấu đưa 10.000 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) và thời vụ ngắn hạn (dưới 01 năm), học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo (bình quân trên 1.400 người/năm), trong đó:

- Chia theo hình thức: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) là 7.500 người; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo thời vụ ngắn hạn (dưới 01 năm) theo chương trình hợp tác giữa các địa phương tối thiểu là 2.000 người; học sinh, sinh viên thuộc diện trao đổi theo các chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài là 500 người.

- Chia theo các giai đoạn: Giai đoạn 2024-2026: Dự kiến 3.000 người (năm 2024 là 600 người; năm 2025 là 1.200 người/năm, năm 2026 là 1.200 người/năm). Giai đoạn 2027-2030: Dự kiến 7.000 người (bình quân 1.750 người/năm).

- Chia theo các địa phương: Thành phố Yên Bái 900 người, huyện Trấn Yên 1.300 người, huyện Yên Bình 1.300 người, huyện Văn Yên 1.300 người, huyện Lục Yên 1.300 người, huyện Văn Chấn 1.300 người, thị xã Nghĩa Lộ 800 người, huyện Trạm Tấu 800 người, huyện Mù Cang Chải 500 người.

b) Giai đoạn 2024-2030, trong tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài của tỉnh, phấn đấu đưa 2.700 người đi làm việc theo hình thức hợp đồng và thời vụ, trao đổi học sinh, sinh viên theo chương trình hợp tác đào tạo tại thị trường Hàn Quốc (bình quân trên 380 người/năm), trong đó: theo hình thức hợp đồng và trao đổi học sinh, sinh viên 700 người, theo hình thức thời vụ khoảng 2.000 người.

c) Mỗi năm, các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị xã, thành phố đào tạo nghề kết hợp với đào tạo ngoại ngữ, tạo nguồn đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài cho ít nhất 1.000 lao động, trong đó có khoảng 500 lao động là bộ đội xuất ngũ (riêng năm 2024 khoảng 750 lao động, trong đó có 300 chỉ tiêu là bộ đội xuất ngũ) (chỉ tiêu do các trường cao đẳng, trung cấp thực hiện 900 người, chỉ tiêu do các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thực hiện 100 người).

d) Mỗi năm, trong tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài của tỉnh, phần đầu đưa 500 người là bộ đội xuất ngũ đi làm việc ở nước ngoài (riêng năm 2024 là 300 người).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; vai trò trách nhiệm của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

- Tăng cường phổ biến, quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới; Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW; Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 27/02/2023 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 19/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Yên Bái và Đề án đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2030.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Giao chỉ tiêu xuất khẩu lao động hàng năm trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh (chi tiết đến cấp huyện). Tiếp tục cụ thể chỉ tiêu, nhiệm vụ về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, hàng năm. Ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo giai đoạn và hàng năm theo phương châm giao chỉ tiêu, khoán sản phẩm để các cấp, ngành, địa phương tăng cường trách nhiệm phối hợp thực hiện nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch. Giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương, tổ chức hội, đoàn thể trong việc phối hợp triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xuất khẩu lao động theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm.

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh thực hiện hiệu quả công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện); cấp xã thành lập tổ tuyên truyền, vận động về xuất khẩu lao động tại các thôn, bản, tổ dân phố nhằm tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Kế hoạch đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đảm bảo đồng bộ, chất lượng, hiệu quả.

- Kịp thời phát hiện, tuyên truyền, giới thiệu và nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, những kinh nghiệm hay, mô hình hiệu quả trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân làm tốt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch đưa người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài để đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

2. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị tư vấn, hệ thống thông tin ở cơ sở, tờ rơi, tờ gấp... các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với nhiều hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng, tích cực tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền nêu gương (qua con em, người thân của cán bộ, đảng viên) sau đó lan tỏa đến các nhóm đối tượng khác (học sinh THCS, THPT, Trung tâm GDTX, các trường trung cấp, trường cao đẳng), các hội viên của các tổ chức chính trị xã hội; đưa nội dung xuất khẩu lao động vào chương trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT... Sử dụng đội ngũ tuyên truyền viên là những lao động đã xuất khẩu trở về hoặc người thân của những người đang làm việc tại nước ngoài.

- Xây dựng và duy trì chuyên mục "*Thanh niên tham gia xuất khẩu lao động*" bằng tiếng Kinh và tiếng Dân tộc phát trên sóng phát thanh và truyền hình địa phương cùng các tin, bài, phóng sự trên Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nội dung tuyên truyền cụ thể, rõ ràng về các cơ chế, chính sách, quy trình, thủ tục, điều kiện tuyển chọn lao động người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, các quy định pháp luật của nước sở tại; quyền và lợi ích của người lao động khi làm việc ở nước ngoài; chính sách hợp tác quốc tế về lao động; môi trường làm việc, thu nhập của người lao động đang làm việc ở nước ngoài, hiệu quả của công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; những tấm gương, điển hình thành công sau khi đi làm việc ở nước ngoài để định hướng cho người lao động góp phần giúp người lao động nâng cao nhận thức và tích cực tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Một số hoạt động và nội dung tuyên truyền sẽ được lồng ghép với các dự án, hoạt động "*Truyền thông nâng cao nhận thức của thanh niên và xã hội về học nghề, lập nghiệp*".

- Định kỳ hàng quý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí và các địa phương về các chính sách xuất khẩu lao động, cập nhật thông tin các chính sách mới, nhu cầu của các thị trường và thông tin về tình hình xuất khẩu lao động của tỉnh Yên Bái để định hướng công tác thông tin tuyên truyền và cung cấp thông tin kịp thời đến người lao động.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND cấp huyện, cấp xã với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động xuất khẩu lao động. Thành lập các Tổ tuyên truyền vận động về xuất khẩu lao động ở cấp huyện, cấp xã. Kết nối, chia sẻ kịp thời thông tin, thành lập các câu lạc bộ, những nhóm zalo những gia đình có người thân đi xuất khẩu lao động để chia sẻ thông tin, lan tỏa hiệu quả của chính sách, gây quỹ câu lạc bộ và hỗ trợ lao động tham gia xuất khẩu...

- Rà soát, xây dựng đội ngũ mạng lưới cộng tác viên xuất khẩu lao động gồm các bộ văn hóa xã hội, cán bộ hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên... Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về truyền thông cho đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên, đặc biệt là ở cấp xã nhằm đưa thông tin về xuất khẩu lao động một cách đầy đủ và chính xác đến được với người lao động, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tăng cường tư vấn xuất khẩu lao động; kết nối hỗ trợ đối với người lao động, làm đầu mối tiếp nhận kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ ban đầu đối với người lao động. Chú trọng tuyên truyền đến lực lượng lao động trẻ, bộ đội xuất ngũ, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lao động chưa có việc làm, mất việc làm... để người lao động có đầy đủ thông tin về chính sách, pháp luật về xuất khẩu lao động. Thông tin công khai, minh bạch về thị trường lao động, thủ tục, điều kiện tiếp nhận lao động và các khoản chi phí đối với người lao động, mức hỗ trợ đối với người lao động.

- Giao Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đến các đơn vị có bộ đội xuất ngũ tuyên truyền, vận động bộ đội xuất ngũ tham gia xuất khẩu lao động. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, nắm bắt thông tin bộ đội xuất ngũ trở về địa phương và phân công các cơ quan, đoàn thể cử cán bộ đến từng gia đình tuyên truyền, vận động bộ đội xuất ngũ tham gia xuất khẩu lao động.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

- Tăng cường công tác quản lý đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; công tác bảo hộ công dân đối với lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Tổ chức thu thập, cập nhật, quản lý, phân tích và dự báo thông tin thị trường lao động; cung cấp kịp thời thông tin về tuyển chọn lao động theo từng thị trường, cung cấp các bản tin thị trường lao động định kỳ cho các địa phương.

- Khảo sát, lựa chọn những đơn vị xuất khẩu lao động có uy tín tham gia tuyển dụng lao động đi xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi giới thiệu các doanh nghiệp được phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định trong việc tư vấn, tuyển chọn lao động tại các địa phương đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tổ chức hội nghị, đối thoại với các doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để cùng chia sẻ, tháo gỡ những khó khăn, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong quá trình tuyển dụng lao động.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, pháp luật, văn hóa, phong tục tập quán của các nước cho người lao động. Tiếp tục đưa lao động đi làm việc ở các thị trường tiếp nhận lao động truyền thống gồm: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Trung Đông..., mở rộng sang các thị trường khác; ưu tiên đưa lao động đi làm việc ở những thị trường lao động có thu nhập cao, an toàn, lao động đã qua đào tạo.

- Triển khai các thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Yên Bái với các địa phương của Hàn Quốc về đưa lao động đi làm việc theo thời vụ. Tiếp tục đàm phán, trao đổi thông tin với các địa phương các nước để đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương.

- Tổ chức các đoàn đưa lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với người lao động của tỉnh trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Cùng với đó, nâng cao trách nhiệm của gia đình người lao động trong việc cam kết, đảm bảo việc chấp hành pháp luật ở nước sở tại và thực hiện nghĩa vụ vay ngân hàng, bồi hoàn kinh phí hỗ trợ.

- Xây dựng mạng lưới người lao động hồi hương, tạo diễn đàn cho người lao động chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong việc chuẩn bị các kỹ năng cần thiết để tìm kiếm việc làm, ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với khả năng.

- Tăng cường công tác quản lý đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; giải pháp về chấm dứt tình trạng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trái phép, người lao động vi phạm pháp luật ở nước sở tại hoặc cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài; đấu tranh phòng, chống việc lợi dụng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài xâm phạm an ninh quốc gia.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh làm đầu mối để lựa chọn, phối hợp với các đơn vị xuất khẩu lao động có uy tín được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm đầu mối hỗ trợ người lao động làm các thủ tục cần thiết đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ đưa, đón người lao động trước khi xuất cảnh và sau khi hết hạn hợp đồng trở về nước; làm đầu mối của tỉnh phối hợp với các đơn vị xuất khẩu lao động và các đơn vị liên quan quản lý, kiểm tra, giám sát người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Tăng cường triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số, người lao động dân tộc kinh thuộc hộ nghèo sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số, thân nhân của người có công với cách mạng, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp. Tăng cường nguồn vốn cho vay từ ngân sách địa phương chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ủy thác đối với người lao động.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

4. Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, tập trung đào tạo nghề, giáo dục kỹ luật lao động nhằm tạo nguồn lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động ngoài nước gắn với đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đối với thanh niên, quân nhân xuất ngũ, lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn... Tăng cường công tác tư vấn, định hướng cho người lao động học nghề, học ngoại ngữ để tham gia đi làm việc ở nước ngoài; định hướng cho HSSV tốt nghiệp các trường dạy nghề đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Định kỳ hàng năm, khảo sát nhu cầu lao động đi làm việc ở nước ngoài để có giải pháp cung ứng lao động phù hợp, đồng thời định hướng đào tạo nghề, ngoại ngữ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu lao động theo nhu cầu của từng thị trường lao động ngoài nước.

- Tăng cường liên kết giữa 3 bên: Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh, các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh và doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; gắn kết giữa trường dạy nghề với doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài trong việc đào tạo nghề, giáo dục định hướng, tư vấn nhằm tạo nguồn và tuyển chọn, định hướng đào tạo nghề, ngoại ngữ cho học viên, người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài; tăng tỷ trọng lao động tốt nghiệp đào tạo nghề đi làm việc ở nước ngoài, nhất là đối với nhóm nghề kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe..., chú trọng đối với các thị trường có thu nhập cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức...

- Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm, hội nghị, hội thảo để thông tin đến người lao động những quy định của pháp luật, chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng và các hợp đồng tuyển chọn lao động với sự tham gia của các cấp chính quyền, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài và người lao động.

- Gắn kết giữa các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính quyền địa phương trong việc tư vấn, giới thiệu, tuyển chọn lao động, đào tạo ngoại ngữ, đào tạo nghề theo yêu cầu thực tế công việc của nước tiếp nhận lao động. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích và các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác đưa lao động của địa phương đi làm việc ở nước ngoài.

- Tăng cường tổ chức các ngày hội việc làm, các phiên giao dịch việc làm cho lao động trước khi tham gia xuất khẩu lao động và sau khi về nước nhằm cung ứng lao động cho các khu công nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị; cập nhật thông tin lao động và có phương án phù hợp để cung ứng nhân lực, giới thiệu việc làm phù hợp cho người lao động.

b) Rà soát, cập nhật tình hình bộ đội xuất ngũ trên địa bàn tỉnh hàng năm; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác tư vấn xuất khẩu lao động cho bộ đội xuất ngũ và triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề kết hợp với đào tạo ngoại ngữ tại các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của tỉnh để tạo nguồn lao động trẻ có sức khỏe, kỷ luật, trình độ đáp ứng yêu cầu xuất khẩu lao động, chú trọng đối với những thị trường truyền thống, thị trường có thu nhập cao.

5. Đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng và theo thời vụ tại Hàn Quốc

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, kết nối, hỗ trợ tuyển dụng lao động tại các địa phương; hỗ trợ người lao động làm các thủ tục; tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, kết hợp đào tạo nghề với đào tạo ngoại ngữ cho người lao động nhằm tạo nguồn lao động đi làm việc, tăng số lượng lao động của tỉnh đi làm việc theo Chương trình EPS tại Hàn Quốc.

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh đưa lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc. Triển khai Biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Yên Bái và Quỹ phát triển Hạnh phúc khu vực Hàn Quốc; tăng cường hợp tác với các tổ chức hữu nghị Việt Nam-Hàn Quốc; hợp tác giữa tỉnh Yên Bái và các tỉnh/thành phố của Hàn Quốc để đưa lao động thời vụ đi làm việc tại các vùng nông nghiệp, thủy sản tại các quận, huyện của Hàn Quốc. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành của tỉnh với các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành trung ương trong việc kết nối hợp tác giữa tỉnh Yên Bái với các tỉnh, thành phố của Hàn Quốc để đưa lao động nông nghiệp đi làm việc theo thời vụ.

- Chú trọng công tác tuyển chọn người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo thời vụ nhằm hạn chế tình trạng người lao động được tuyển chọn và phải cử không đúng đối tượng là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dẫn đến một số vụ việc vi phạm do người lao động không quen với công việc trong lĩnh vực nông nghiệp và tình trạng người lao động bỏ trốn sau khi kết thúc hợp đồng.

6. Đẩy mạnh việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài

Thực hiện triển khai việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài nhằm thực hiện Chương trình đào tạo liên thông và trao đổi học sinh, sinh viên với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài; tạo cho học sinh, sinh viên cơ hội được tiếp cận và thực hành nghề trên các loại thiết bị công nghệ tiên tiến, nâng cao kỹ năng nghề, ngoại ngữ, pháp luật, văn hóa, phong tục tập quán của các nước; thông qua đó để hỗ trợ đào tạo và hợp tác với các công ty, doanh nghiệp nước ngoài để giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên ngay sau đào tạo.

7. Đẩy mạnh việc phối hợp quản lý và xử lý rủi ro đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người lao động qua nhiều kênh thông tin như: Phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tờ rơi, tổ chức đối thoại chính sách về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài tại các địa phương; cung cấp tài liệu hướng dẫn và sổ tay những điều cần biết khi sống và làm việc ở nước ngoài như: Thị trường lao động và cơ hội việc làm ngoài nước; pháp luật Việt Nam liên quan đến đi làm việc ở nước ngoài; chính sách của các nước tiếp nhận lao động; chính sách của Việt Nam nhằm thúc đẩy di cư lao động ra nước ngoài. Đồng thời, cung cấp thông tin, địa chỉ của các Đại sứ quán Việt Nam, Ban quản lý lao động, văn phòng/tổ chức trợ giúp liên quan ở nước ngoài; các thông tin cảnh báo người lao động về rủi ro thường gặp đi làm việc ở nước ngoài trái phép.

- Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp dịch vụ, gia đình và người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Các doanh nghiệp dịch vụ phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường thông tin, truyền truyền phổ biến pháp luật, các dịch vụ tư vấn để cung cấp đủ thông tin cho người lao động lựa chọn khi có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

- Giao nhiệm vụ đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh trong việc phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp dịch vụ và Ban Quản lý lao động Việt Nam tại nước ngoài để theo dõi, nắm bắt, quản lý và hỗ trợ người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Thành lập các đoàn công tác của tỉnh đến một số nước có nhiều người lao động của tỉnh Yên Bái đang làm việc để nắm bắt, kiểm tra tình hình, điều kiện làm việc của người lao động; đồng thời, triển khai xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về lao động đi làm việc ở nước ngoài giúp tăng cường quản lý nhà nước nhằm hỗ trợ kịp thời và bảo vệ người lao động.

- Triển khai thực hiện ký cam kết của gia đình có người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong việc tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành pháp luật nước sở tại khi đi làm việc ở nước ngoài, tuân thủ thời hạn làm việc theo hợp đồng đã ký kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ vay vốn tín dụng theo quy định.

8. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tình hình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong việc chấp hành pháp luật về tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về điều kiện hoạt động, tuyển chọn lao động, thu phí, quản lý, đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động khi tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng... Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Nắm bắt tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài vi phạm hợp đồng hoặc cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Quản lý chặt chẽ đảng viên là người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

9. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi kết thúc hợp đồng trở về nước

Sau khi đi làm việc ở nước ngoài, đối với những lao động hết hạn hợp đồng trở về nước, trường hợp người lao động tiếp tục có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, các ngành, địa phương, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh có trách nhiệm kết nối, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho người lao động để tiếp tục đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

Đối với những lao động hết hạn hợp đồng trở về nước có nhu cầu tìm việc làm trong và ngoài tỉnh, các ngành, địa phương, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh có trách nhiệm kết nối, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động cho người lao động để đi làm việc trong và ngoài tỉnh phù hợp với nhu cầu, trình độ của người lao động.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo và kinh phí thực hiện

- Chính sách hỗ trợ từ ngân sách trung ương của Tiểu dự án 3 “Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 5, CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Tiểu dự án 2 “Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng” thuộc Dự án 4, CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Các nguồn vốn cho vay qua Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định hiện hành và nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương sang Ngân hàng chính sách xã hội.

- Các nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp và nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí thực hiện Đề án dự kiến giai đoạn 2024-2030 là **1.004.930 triệu đồng** (dự kiến hỗ trợ 10.000 lao động, trong đó: 6.000 lao động được hỗ trợ theo chính sách của trung ương và hỗ trợ cấp bổ sung theo chính sách của tỉnh; 4.000 lao động không thuộc diện hỗ trợ từ chính sách của trung ương được hỗ trợ từ chính sách của tỉnh) (bình quân 143.560 triệu đồng/năm), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 706.375 triệu đồng, chiếm 70,3% (bình quân 100.910 triệu đồng/năm), gồm:

+ Ngân sách trung ương từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động: 106.375 triệu đồng, bình quân 15.196 triệu đồng/năm.

+ Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ cho vay vốn đối với người lao động: 600.000 triệu đồng, bình quân 85.714 triệu đồng/năm.

- Ngân sách địa phương: 298.555 triệu đồng, chiếm 29,7% (bình quân 42.650 triệu đồng/năm), gồm:

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động: 55.955 triệu đồng (bình quân 7.994 triệu đồng/năm).

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn đối với người lao động: 230.000 triệu đồng, bình quân 32.857 triệu đồng/năm.

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ các hoạt động (quản lý; thông tin, tuyên truyền; kiểm tra, giám sát): 12.600 triệu đồng (bình quân 1.800 triệu đồng/năm).

Chia theo cơ cấu các giai đoạn:

2.1. Kinh phí dự kiến giai đoạn 2024-2026 là 288.460 triệu đồng (dự kiến hỗ trợ 3.000 lao động, trong đó: 1.500 lao động được hỗ trợ theo chính sách của trung ương và hỗ trợ cấp bổ sung theo chính sách của tỉnh; 1.500 lao động không thuộc diện hỗ trợ từ chính sách của trung ương được hỗ trợ từ chính sách của tỉnh) (bình quân 96.150 triệu đồng/năm), trong đó:

a) *Ngân sách trung ương: 176.550 triệu đồng (chiếm 61%), gồm:*

- Ngân sách trung ương từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ chi phí ban đầu cho người lao động: 26.550 triệu đồng, bình quân 8.850 triệu đồng/năm.

- Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ cho vay vốn: 150.000 triệu đồng, bình quân 50.000 triệu đồng/năm.

b) *Ngân sách địa phương: 111.910 triệu đồng (chiếm 39%), gồm:*

- Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động: 20.510 triệu đồng (bình quân 6.830 triệu đồng/năm).

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn đối với người lao động: 86.000 triệu đồng, bình quân 28.660 triệu đồng/năm.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ các hoạt động (quản lý; thông tin, tuyên truyền; kiểm tra, giám sát): 5.400 triệu đồng (bình quân 1.800 triệu đồng/năm), ngoài ra còn nguồn kinh phí hỗ trợ từ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, gồm:

+ Hỗ trợ hoạt động quản lý (đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) gồm: Kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu lao động tuyển dụng lao động tại các địa phương; hỗ trợ đưa, đón lao động; quản lý lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài...: 1.500 triệu đồng (bình quân 500 triệu đồng/năm);

+ Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền (đối với Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố): 2.400 triệu đồng (bình quân 800 triệu đồng/năm);

+ Hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát (đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố): 1.500 triệu đồng (bình quân 500 triệu đồng/năm).

2.2. Kinh phí dự kiến giai đoạn 2027-2030 là 716.470 triệu đồng đồng (dự kiến hỗ trợ 7.000 lao động, trong đó: 4.500 lao động được hỗ trợ theo chính sách của trung ương và hỗ trợ cấp bổ sung theo chính sách của tỉnh; 2.500 lao động không thuộc diện hỗ trợ từ chính sách của trung ương được hỗ trợ từ chính sách của tỉnh) (bình quân 96.150 triệu đồng/năm) (bình quân 179.117 triệu đồng/năm), trong đó:

a) *Ngân sách trung ương: 529.825 triệu đồng (chiếm 74%), bình quân 132.456 triệu đồng/năm, gồm:*

- Ngân sách trung ương từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ chi phí ban đầu cho người lao động: 79.825 triệu đồng, bình quân 19.956 triệu đồng/năm.

- Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ cho vay vốn: 450.000 triệu đồng, bình quân 112.500 triệu đồng/năm.

b) *Ngân sách địa phương: 186.645 triệu đồng (chiếm 26%), bình quân 46.660 triệu đồng/năm, gồm:*

- Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu cho người lao động: 35.445 triệu đồng, bình quân 8.861 triệu đồng/năm.

- Ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ cho vay vốn: 144.000 triệu đồng, bình quân 36.000 triệu đồng/năm.

- Ngân sách địa phương thực hiện các hoạt động của Đề án: 7.200 triệu đồng, bình quân 1.800 triệu đồng/năm.

2.3. Đối tượng, nguyên tắc, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ; điều kiện hỗ trợ đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. LỘ TRÌNH VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch năm 2024

- Tháng 7/2024: Ban hành Đề án đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2030.

- Tháng 8/2024:

+ Ban hành Hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

+ Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2024-2025 và giai đoạn 2026-2030.

+ Thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện).

+ Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Đề án, triển khai thực hiện Kế hoạch và chính sách của tỉnh về đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2026.

- Tháng 8, Tháng 9: Tổ chức các Hội nghị tập huấn về công tác xuất khẩu lao động tại các huyện, thị xã, thành phố.

2. Kế hoạch năm 2025 và giai đoạn 2026-2030

- Ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án hàng năm.

- Năm 2026: Sơ kết thực hiện Đề án giai đoạn 2024-2025 và triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026-2030.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trên cơ sở đó nghiên cứu đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ giai đoạn tiếp theo.

- Năm 2030: Tổ chức tổng kết thực hiện Đề án.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là Cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Đề án. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Đề án và Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo đưa người lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2030. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghiêm nghĩa vụ tuyển dụng lao động với địa phương. Kiểm tra, rà soát, chọn các doanh nghiệp dịch vụ có uy tín, đủ điều kiện pháp lý và có năng lực hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để các đơn vị, địa phương và người dân biết, lựa chọn thị trường khi tham gia đi làm việc ở nước ngoài.

- Chỉ đạo rà soát, xác định nhu cầu xuất khẩu lao động hàng năm của các địa phương, cụ thể đến các xã làm căn cứ xây dựng Kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động, hỗ trợ tuyển dụng lao động.

- Chủ trì triển khai công tác đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp, chú trọng triển khai các giải pháp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đối với: Thanh niên, lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động bị mất việc làm, lao động thuộc hộ bị thu hồi đất, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự... Chú trọng công tác tạo nguồn lao động, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lao động sau khi hết hạn làm việc ở nước ngoài về nước.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh triển khai hỗ trợ xuất khẩu lao động cho bộ đội xuất ngũ, chỉ đạo các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ cho bộ đội xuất ngũ.

- Biên soạn tài liệu thông tin, tuyên truyền về xuất khẩu lao động gửi các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh để triển khai có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh: Là cơ quan chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí làm các thủ tục xuất cảnh cho người lao động theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Đề án này để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu lao động của toàn tỉnh.

- Chỉ đạo các trường cao đẳng, trường trung cấp: Phối hợp với các doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài và các đơn vị được cấp phép đào tạo ngoại ngữ để đào tạo nghề cho lao động tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Phối hợp với Công an tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ về công tác tuyển dụng lao động với địa phương. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tư vấn, tuyển chọn, đào tạo và tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; kịp thời ngăn chặn và có biện pháp xử lý kịp thời những hành vi lừa đảo, tiêu cực để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án của các sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), hằng năm (trước ngày 15/12), kết thúc giai đoạn và theo yêu cầu thực tế, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản pháp lý hiện hành đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các chính sách, hoạt động trong Đề án, đề xuất cơ chế xử lý rủi ro; phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án.

3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện kịp thời việc cấp lý lịch tư pháp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lao động hàng năm.

4. Sở Y tế

Chỉ đạo các cơ sở y tế đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe cho người lao động đảm bảo về chuyên môn và thời gian quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở tập trung tuyên truyền, thông tin về chính sách, pháp luật đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách, chế độ, điều kiện tuyển chọn, điều kiện làm việc, sinh hoạt và thu nhập của người lao động ở các thị trường trên các ấn phẩm, chương trình và các phương tiện do cơ quan quản lý.

- Chủ động giám sát không gian mạng, kịp thời phát hiện, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các thông tin sai sự thật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát tình hình bộ đội xuất ngũ hàng năm; đồng thời phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ cho bộ đội xuất ngũ; hỗ trợ các thủ tục hỗ trợ đưa bộ đội xuất ngũ đi làm việc ở nước ngoài hàng năm.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan đến các đơn vị có bộ đội xuất ngũ tuyên truyền, vận động bộ đội xuất ngũ tham gia xuất khẩu lao động.

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các địa phương thực hiện chỉ tiêu hàng năm đưa tối thiểu 500 bộ đội xuất ngũ đi làm việc ở nước ngoài.

7. Công an tỉnh

- Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc đưa lao động ra nước ngoài làm việc để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Kết nối, mở rộng quan hệ với các đối tác, các nghiệp đoàn, các công ty sản xuất ở nước ngoài để hợp tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Chỉ đạo Cổng Thông tin điện tử tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tuyên truyền về công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, cung cấp thông tin và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động ở các nước có điều kiện lao động tốt, thu nhập cao.

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao, các cơ quan, địa phương liên quan hỗ trợ công tác bảo hộ công dân theo quy định.

9. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu phân bổ kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài từ nguồn kinh phí CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Yên Bái

- Là cơ quan chủ trì hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài vay vốn theo quy định.

- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 10/7) và hàng năm (trước ngày 30/11) tổng hợp, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả cho vay vốn đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổng hợp, báo cáo đề xuất bố trí bổ sung nguồn vốn cho vay ủy thác từ ngân sách địa phương.

11. Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; kết quả triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, thông tin về thị trường lao động; các địa chỉ tuyển dụng lao động uy tín, giới thiệu các mô hình, cách làm thiết thực, hiệu quả... trên các ấn phẩm báo chí, chương trình phát thanh và truyền hình... để người lao động có lòng tin và đăng ký tham gia; tạo bước chuyển mới nhận thức của các cấp, ngành, nhân dân về công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Xây dựng và duy trì chuyên mục "*Thanh niên tham gia xuất khẩu lao động*" bằng tiếng Kinh và tiếng Dân tộc phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; hệ thống truyền thanh cơ sở.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên

- Xây dựng kế hoạch phối hợp triển khai công tác tuyên truyền, vận động, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia xuất khẩu lao động hàng năm.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên: Phối hợp tham gia cộng tác viên xuất khẩu lao động ở cấp cơ sở nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đến các tầng lớp phụ nữ, nông dân, thanh niên về các chủ trương, chính sách xuất khẩu lao động, đặc biệt là chính sách của tỉnh về xuất khẩu lao động; tầm quan trọng của công tác xuất khẩu lao động đối với tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; thông tin về nhu cầu các thị trường và tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn lao động; mức lương, danh sách các doanh nghiệp được phép tuyển dụng lao động để người lao động biết và tích cực tham gia. Hướng dẫn, hỗ trợ hội viên thực hiện các thủ tục vay vốn, học ngoại ngữ, học nghề, thủ tục xuất khẩu lao động và sau khi hết hạn hợp đồng về nước, hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong tỉnh, ngoài tỉnh.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương; giao cụ thể chỉ tiêu đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho từng xã, phường, thị trấn để thực hiện.

- Thành lập Ban Chỉ đạo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài cấp huyện và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tiểu ban chỉ đạo đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án trên địa bàn; phối hợp với doanh nghiệp đưa động đi làm việc ở nước ngoài tư vấn và tuyển chọn lao động.

- Tăng cường tuyên truyền công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đổi mới nội dung, đa dạng hình thức tuyên truyền đảm bảo người dân, người lao động có đầy đủ thông tin và tham gia tuyển chọn.

- Định kỳ hàng năm, chỉ đạo tổ chức rà soát, xác định nhu cầu xuất khẩu lao động của các xã, phường, thị trấn làm căn cứ xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động, hỗ trợ tuyển dụng lao động.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài tổ chức hội nghị thông tin, tuyên truyền, tư vấn, tuyển chọn lao động tại địa phương.

- Rà soát tình hình bộ đội xuất ngũ trở về địa phương hàng năm và phân công các cơ quan, đoàn thể cử cán bộ đến từng gia đình tuyên truyền, vận động bộ đội xuất ngũ đi xuất khẩu lao động; hỗ trợ các thủ tục đưa bộ đội xuất ngũ đi làm việc ở nước ngoài, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

- Tổng hợp danh sách các trường hợp có nhu cầu đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu tại địa phương.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày **15/6**) và báo cáo năm (trước ngày **10/12**) hàng năm gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

+ Thành lập Tiểu ban chỉ đạo đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện chỉ tiêu xuất khẩu lao động hàng năm.

+ Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, doanh nghiệp tuyển dụng, cung ứng lao động, gia đình người lao động trong việc tuyển dụng lao động đi làm việc ở nước ngoài và sau khi lao động về nước. Tổ chức tuyên truyền, niêm yết công khai các thông tin về thị trường xuất khẩu lao động và kết quả tuyển chọn lao động, số lao động đã được xuất cảnh tại địa phương.

+ Hướng dẫn và xác nhận cho người lao động làm hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài như hồ sơ vay vốn và các thủ tục hành chính liên quan.

+ Thường xuyên nắm bắt thông tin, cùng với gia đình người lao động để giáo dục, động viên người lao động làm việc tốt, chấp hành nghiêm hợp đồng lao động.

- Phối hợp Ngân hàng chính sách xã hội trong việc quản lý, thu hồi vốn vay của người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Theo dõi, phối hợp với các cơ quan chức năng ngăn chặn kịp thời các hình thức môi giới, lừa đảo và thu tiền bất hợp pháp của người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện tình hình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn.

14. Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Yên Bái, Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ, Trường Trung cấp Lục Yên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề gắn với đào tạo ngoại ngữ phục vụ xuất khẩu lao động hàng năm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan triển khai đào tạo nghề với tạo nguồn lao động tham gia xuất khẩu.

- Thường xuyên rà soát, phối hợp với các doanh nghiệp liên kết đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, kỹ năng; đào tạo lao động theo đặt hàng của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức tư vấn việc làm, tham gia đi xuất khẩu lao động theo Đề án và giới thiệu, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong tỉnh và ngoài tỉnh.

- Đẩy mạnh các chương trình hợp tác, trao đổi học sinh, sinh viên giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài.

15. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Yên Bái

- Là cơ quan chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí làm các thủ tục xuất cảnh cho người lao động theo Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tăng cường tổ chức các Ngày hội việc làm, các phiên giao dịch việc làm nhằm đẩy mạnh hoạt động tư vấn xuất khẩu lao động theo các hình thức phù hợp đối với từng địa phương, từng nhóm đối tượng; đẩy mạnh công tác tư vấn xuất khẩu lao động tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Là cơ quan đầu mối phối hợp thực hiện đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp dịch vụ đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, có uy tín để thực hiện đưa lao động sang nước ngoài làm việc để tuyển người lao động tham gia xuất khẩu lao động.

- Có trách nhiệm phối hợp, lựa chọn, phối hợp với các đơn vị xuất khẩu lao động có uy tín được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu tuyển dụng

lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm đầu mối hỗ trợ người lao động làm các thủ tục cần thiết đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ đưa, đón người lao động trước khi xuất cảnh và sau khi hết hạn hợp đồng trở về nước; làm đầu mối của tỉnh phối hợp với các đơn vị xuất khẩu lao động và các đơn vị liên quan quản lý, kiểm tra, giám sát người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài.

- Phối hợp UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tổ chức đăng ký, phân loại, tuyển chọn, đào tạo giáo dục định hướng đảm bảo chất lượng lao động. Hướng dẫn các thủ tục, hồ sơ cho người lao động; thông báo rõ các khoản chi phí, tiền lương, điều kiện làm việc, điều kiện ăn, ở cho người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài, cụ thể từng thị trường để người lao động biết, đăng ký tham gia xuất khẩu lao động.

- Phối hợp với các địa phương xây dựng kế hoạch tuyển chọn lao động và đào tạo nghề, tạo nguồn cung ứng cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động; theo dõi, quản lý chặt chẽ tình hình lao động đi xuất khẩu lao động. Triển khai và hình thành đội ngũ cộng tác viên từ tỉnh đến cơ sở, thiết lập kênh thông tin tư vấn, việc làm, linh hoạt đổi mới hình thức hoạt động thị trường lao động.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Rà soát hồ sơ năng lực, các doanh nghiệp dịch vụ chuyên đào tạo đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, theo dõi tình hình, số lương lao động đang trong thời gian học nghề, học ngoại ngữ. Theo dõi, cập nhật tình hình về người lao động trong thời gian làm việc; yêu cầu các doanh nghiệp phối hợp với đơn vị sử dụng lao động ở nước ngoài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong thời gian ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, tổng hợp số lượng lao động hàng năm đi làm việc ở nước ngoài theo Đề án và số lượng lao động phải về nước trước hạn, số lao động hết thời gian hợp đồng để tư vấn, giới thiệu việc làm phù hợp, tư vấn về chính sách việc làm cho người lao động. Rà soát, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hợp đồng hoặc sự cố khác liên quan đến lao động do đơn vị cung ứng.

16. Các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

- Đảm bảo điều kiện pháp lý, có thị trường tiềm năng đáp ứng nhu cầu lao động trong tỉnh, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép hoạt động tư vấn, tuyển dụng lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Yên Bái trong việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ đối với người lao động từ khi tuyển chọn đến khi về nước, phối hợp chặt chẽ với địa phương, các đơn vị liên quan và gia đình người lao động quá trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh trong việc tuyên truyền, tổ chức học định hướng, học ngoại ngữ, tư vấn cho người lao động các thông tin về thị trường. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn người lao động nắm vững và hiểu rõ các cam kết, trách nhiệm và quyền lợi pháp lý theo hợp đồng lao động đã ký kết.

- Phối hợp với đơn vị sử dụng lao động ở nước sở tại bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong suốt thời gian làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo cam kết. Tạo điều kiện giới thiệu những vị trí việc làm tại các thị trường, công ty đang tuyển để người lao động lựa chọn tham gia.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm, thực hiện báo cáo kết quả tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài với Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) để tổng hợp.

Phần thứ tư **HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

Đề án Hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài, giai đoạn 2024-2030 được triển khai thực hiện có hiệu quả sẽ có đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Hiệu quả về kinh tế

Đề án góp phần quan trọng cải thiện thu nhập và đời sống của người lao động, tạo cơ hội việc làm tốt với thu nhập khá cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thu nhập từ 15-40 triệu đồng/tháng. Ước tính mỗi lao động đi xuất khẩu sẽ tiết kiệm được 120-200 triệu đồng/năm; sau 03 năm tham gia xuất khẩu lao động, số tiền tích lũy từ 360-600 triệu đồng. Từ nguồn tiền xuất khẩu lao động, các hộ gia đình có người đi xuất khẩu lao động có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, đầu tư cho học tập và tiếp tục đầu tư sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, góp phần tạo việc làm cho nhiều lao động địa phương. Người lao động sau khi về nước đã tích lũy được kiến thức, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, rèn luyện tác phong làm việc công nghiệp; sau khi trở về, trở thành nguồn nhân lực có trình độ, có cơ hội làm việc tại các doanh nghiệp trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài với thu nhập cao và ổn định. Một bộ phận người lao động sau khi đi làm việc ở nước ngoài có thu nhập trở về địa phương đã đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chuyển đổi sang các công việc khác có thu nhập cao hơn làm nông nghiệp, đồng thời tạo thêm việc làm cho lao động địa phương.

2. Hiệu quả về mặt xã hội

Thông qua việc triển khai thực hiện Đề án, sẽ góp phần nâng cao nhận thức và trình độ cho người lao động, tăng số lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài hàng năm, đặc biệt là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động bị thu hồi đất...góp phần giải quyết việc làm hiệu quả cho người lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái./.

Phụ lục 1

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI
TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2024-2030**

(Kèm theo Quyết định số **1557/QĐ-UBND** ngày **29** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Huyện, thị xã, Thị trấn Yên Bái	Giai đoạn 2024-2030	Trong đó			Giai đoạn 2024- 2026	Năm 2024	Trong đó			Năm 2025	Trong đó			Năm 2026	Trong đó			Giai đoạn 2027- 2030	Trong đó						
			Hợp đồng	Thời vụ	HSSV			Hợp đồng	Thời vụ	HSSV		Hợp đồng	Thời vụ	HSSV		Hợp đồng	Thời vụ	HSSV		Hợp đồng	Thời vụ	HSSV				
																							4	5	6	7-8-9-10
1	2	3=4+5+6	10.000	7.500	2.000	500	3.000	2.000	900	100	600	400	180	20	1.200	810	360	30	1.200	790	360	50	7.000	5.500	1.100	400
1	Thành phố Yên Bái	900	850	50		260	240	20		40	40	0			110	100	10		110	100	10		640	610	30	
2	Huyện Trấn Yên	1.300	1.000	300		410	270	140		90	50	40			170	120	50		150	100	50		890	730	160	
3	Huyện Yên Bình	1.300	1.000	300		390	250	140		100	50	50			170	100	70		170	100	70		910	750	160	
4	Huyện Văn Yên	1.300	1.000	300		400	260	140		100	60	40			150	100	50		150	100	50		900	740	160	
5	Huyện Lục Yên	1.300	1.000	300		390	260	130		90	60	30			140	100	40		140	100	40		910	740	170	
6	Huyện Văn Chấn	1.300	1.000	300		340	240	100		60	40	20			130	100	30		130	100	30		960	760	200	
7	Thị xã Nghĩa Lộ	800	700	100		240	190	50		30	30	0			110	80	30		110	80	30		560	510	50	
8	Huyện Trạm Tấu	800	600	200		310	210	100		50	50	0			120	80	40		120	80	40		490	390	100	
9	Huyện Mù Cang Chải	500	350	150		160	80	80		20	20	0			70	30	40		70	30	40		340	270	70	
TRONG ĐÓ, ĐỐI TƯƠNG ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ TỪ CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH		4.000	1.500	2.000	500	1.500	500	900	100	350	150	180	20	30	560	170	360	30	590	180	360	50	2.500	1.000	1.100	400
1	Thành phố Yên Bái	250	200	50		80	60	20		20	20	0			30	20	10		30	20	10		170	140	30	
2	Huyện Trấn Yên	500	200	300		200	60	140		60	20	40			70	20	50		70	20	50		300	140	160	
3	Huyện Yên Bình	500	150	350		250	60	190		70	20	50			90	20	70		90	20	70		250	90	160	
4	Huyện Văn Yên	500	200	300		200	60	140		60	20	40			70	20	50		70	20	50		300	140	160	
5	Huyện Lục Yên	500	220	280		200	90	110		50	20	30			75	35	40		75	35	40		300	130	170	
6	Huyện Văn Chấn	450	170	280		140	60	80		40	20	20			50	20	30		50	20	30		310	110	200	
7	Thị xã Nghĩa Lộ	250	140	110		110	50	60		10	10	0			45	15	30		55	25	30		140	90	50	
8	Huyện Trạm Tấu	300	120	180		110	30	80		10	10	0			50	10	40		50	10	40		190	90	100	
9	Huyện Mù Cang Chải	250	100	150		110	30	80		10	10	0			50	10	40		50	10	40		140	70	70	

Đơn vị tính: Người

Phụ lục 2

**DỰ KIẾN CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ KẾT HỢP ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ VÀ KẾT NỐI, ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI
GIAI ĐOẠN 2024-2026**

(Kèm theo Quyết định số: **1557/QĐ-UBND** ngày **29** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Tổng cộng	Chia theo các năm		
			Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	Dự kiến chỉ tiêu thực hiện đào tạo nghề kết hợp ngoại ngữ để đưa học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động	2.800	750	1.000	1.050
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	1.300	300	500	500
1	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái	1.010	250	360	400
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	400	100	150	150
	<i>Chương trình trao đổi học sinh, sinh viên với các trường CĐ, ĐH nước ngoài</i>	100	20	30	50
2	Trường Cao đẳng Yên Bái	670	170	250	250
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	250	50	100	100
3	Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ	420	120	150	150
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	210	50	80	80
4	Trường Trung cấp Lục Yên	400	110	140	150
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	190	50	70	70
5	Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp huyện	300	100	100	100
	<i>Trong đó: Bộ đội xuất ngũ</i>	250	50	100	100

Phụ lục 3

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐƯA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC
NGOÀI GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số: 155/HQĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung hỗ trợ	Số người	ĐVT: triệu đồng		
			Kinh phí giai đoạn 2024-2030	Kinh phí giai đoạn 2024-2026	Kinh phí giai đoạn 2027-2030
I	2	3	4=5+6	5	6
	TỔNG CỘNG (A+B):	10.000	1.004.930	288.460	716.4
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ	4.000	298.555	111.910	186.6
I	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG + THỜI VỤ)	4.000	285.955	106.510	179.4
1	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo Hợp đồng	3.500	183.080	61.360	121.7
1.1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	1.500	33.080	11.360	21.7
1.2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	1.500	150.000	50.000	100.0
2	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo thời vụ	2.000	98.300	44.235	54.0
2.1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	2.000	18.300	8.235	10.0
2.2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	2.000	80.000	36.000	44.0
3	Học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và các trường đại học, cao đẳng nước ngoài	500	4.575,0	915	3.6
II	HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN (Công tác quản lý, thông tin tuyên truyền, kiểm tra giám sát)		12.600	5.400	7.2
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.000	706.375	176.550	529.8
	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo hợp đồng				
1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	6.000	106.375	26.550	79.8
2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	6.000	600.000	150.000	450.0

Phụ lục 4

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐƯA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2024 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số: **1557/QĐ-UBND** ngày **29** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số người	Mức hỗ trợ	Tổng kinh phí
1	2	3	4	5=3x4
	TỔNG CỘNG			288.460
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ			111.910
I	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG + THỜI VỤ) + HỌC SINH, SINH VIÊN	1.500		106.510
1	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo Hợp đồng	500		61.360
1.1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	500	18,37	11.360
1.2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	500	100	50.000
2	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo thời vụ	900		44.235
2.1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	900	9,15	8.235
2.2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	900	40	36.000
3	Học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và các trường đại học, cao đẳng nước ngoài	100	9,15	915
II	HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG (Công tác quản lý, thông tin tuyên truyền, kiểm tra giám sát)			5.400
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.500		176.550
	Hỗ trợ lao động đi làm việc theo hợp đồng			
1	Hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động	1.500		26.550
2	Hỗ trợ cho vay vốn tín dụng	1.500		150.000

Phụ lục 5

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐUA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2024-2026

(Kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số người	Tổng kinh phí	Chia theo cơ cấu nguồn kinh phí																	
				Ngân sách trung ương						Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu						Học sinh, sinh viên thuộc diện trao đổi theo các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài					
				Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
	TỔNG CỘNG (A+B)	3.000	288.460	1.500	0	176.550	500	0	11.360	900	0	8.235	0	0	0	0	2.500	0	195.400		
A	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG+ THỜI VỤ)	3.000	283.060	1.500		176.550	500		11.360	900		8.235					2.500		190.000		
I	HỖ TRỢ CHI PHÍ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	3.000	47.060	1.500	19,15	26.550	500	18,37	11.360	900	9,15	8.235	100	9,15	915						
1	Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề:	3.250	11.280	1.500	4,0	4.625	1.750	4,0	3.375	0	0	0									
	Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn:			250	4,0	1.000	0		0												
	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp			1.000	3,0	3.000	1.000	1,0	1.000												
	Người thuộc hộ cận nghèo			250	2,5	625	250	1,5	375												
	Đôi tương lao động khác			0	0	0	500	4,0	2.000												
2	Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ:	3.400	12.000	1.500	4,0	5.200	1.000	4,0	2.800	900	4,0	3.600	100	4,0	400						
	Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1.000	4.000	1.000	4,0	4.000	0		0	0	0										
	Lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo.	500	1.000	250	2,8	700	250	1,2	300	0	0										
	Đôi với người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	500	1.000	250	2,0	500	250	2,0	500	0	0										
	Đôi tương lao động khác; chương trình trao đổi SV			0	0	0	500	4,0	2.000	0	0	0	100	4	400						
	Lao động thời vụ			0	0	0	0	0	0	900	4	3.600	0	0	0						

Phụ lục 5B

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐƯA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượt người	Tổng kinh phí	Chia theo cơ cấu nguồn kinh phí												Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn
				Ngân sách trung ương						Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu						
				Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG CỘNG (A+B)		116.147			75.346			4.033			3.294			33.2	
A	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG+ THỜI VỤ)	1.200	114.347	640		75.346	170	18,37	4.033	360		3.294	530		31.2	
I	HỖ TRỢ CHI PHÍ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	1.200	18.947	640	19,15	11.346	170	18,37	4.033	360	9,15	3.294	275			
	Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề	1.350	3.240	640	4,0	1.970	710	4	1.270							
	Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn			100	4,0	400										
	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp			440	3,0	1.320	440	1,0	440							
	Người thuộc hộ cận nghèo			100	2,5	250	100	1,5	150							
	Đối tượng lao động khác						170	4,0	680							
	Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ:	1.400	4.800	640	4	2.240	370	4	1.000	360		1.440	120			
	Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi	440	1.760	440	4,0	1.760										
2	Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	200	400	100	2,8	280	100	1,2	120							
	Đối với người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	200	400	100	2,0	200	100	2,0	200							
	Đối tượng lao động khác; chương trình trao đổi Sinh viên						170	4,0	680				4	120		
	Lao động thời vụ						360					1.440				

Chia theo cơ cấu nguồn kinh phí

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượt người	Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu																							
				Ngân sách trung ương								Hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên)				Hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo thời vụ ngắn hạn (dưới 01 năm)				Học sinh, sinh viên thuộc diện trao đổi theo các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài				Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn			
				Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16												
3	Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo	810	3.026	640	3,9	2.496	170	3,12	530																		
4	Hỗ trợ tiền ở trong thời gian đào tạo	810	972	640	1,2	768	170	1,20	204																		
5	Hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo, đồng phục...)	810	486	640	0,6	384	170	0,6	102																		
6	Hỗ trợ tiền đi lại (1 lượt đi và về)	810	243	640	0,3	192	170	0,3	51																		
7	Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh	1.200	240	640	0,2	128	170	0,2	34	360	0,2	72	30	0,2	6												
8	Phí cung cấp lý lịch tư pháp	1.200	240	640	0,2	128	170	0,2	34	360	0,2	72	30	0,2	6												
9	Lệ phí xin cấp thị thực (visa)	1.200	4.800	640	4,00	2.560	170	4,00	680	360	4,0	1.440	30	4,0	120												
10	Chi phí khám sức khỏe	1.200	900	640	0,75	480	170	0,75	128	360	0,75	270	30	0,75	23												
II	CHI HỖ TRỢ CHO VAY VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI	1.170	95.400	640	100	64.000							530		31.400												
1	Cho vay đối với người lao động đi làm việc theo hợp đồng dài hạn (01 năm trở lên)	810	81.000	640	100	64.000									170	100	17.000										
2	Cho vay đối với lao động đi làm việc theo thời vụ ngắn hạn (dưới 01 năm)	360	14.400												360	40	14.400										
B	HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG		1.800													1.800											
1	Chi công tác quản lý cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)		500													50											
2	Chi công tác thông tin tuyên truyền		800													80											
	Báo Yên Bái		100													100											
	Đài Phát hành - Truyền hình tỉnh Yên Bái		100													100											
	Công Thông tin điện tử tỉnh		100													100											
	Trung tâm Dịch vụ việc làm		50													50											
	Cấp huyện (09 huyện x 50 triệu đồng/huyện)		450													450											
3	Chi công tác kiểm tra, giám sát (cấp tỉnh, cấp huyện)		500													500											
	Ban Chi đạo cấp tỉnh		50													50											
	Ban Chi đạo cấp huyện (09 huyện x 50 triệu đồng/huyện)		450													450											

Phụ lục 5C

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐUA LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: **1557/QĐ-UBND** ngày **29** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượt người	Tổng kinh phí	Chia theo cơ cấu nguồn kinh phí													
				Ngân sách trung ương						Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu						Ngân sách địa phương	
				Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ban đầu	Số người	Mức hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	TỔNG CỘNG (A+B)		113.940			71.802			4.187			3.294			458		
A	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG+ THỜI VỤ)	1.200	112.140	610		71.802	180	18,37	4.187	360		3.294	540		32.4		
I	HỖ TRỢ CHI PHÍ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	1.200	18.740	610	19,15	10.802	180	18,37	4.187	360	9,15	3.294	540				
	Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề	1.300	3.160	610	4,0	1.880	690	4	1.280								
	Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn			100	4,0	400											
	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp			410	3,0	1.230	410	1,0	410								
	Người thuộc hộ cận nghèo			100	2,5	250	100	1,5	150								
	Đối tượng lao động khác						180	4,0	720								
	Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ	1.400	4.800	610	4	2.120	380	4	1.040	360		1.440	50		800		
	Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi:	410	1.640	410	4,0	1.640											
2	Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	200	400	100	2,8	280	100	1,2	120								
	Đối với người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	200	400	100	2,0	200	100	2,0	200								
	Đối tượng lao động khác; chương trình trao đổi Sinh viên Lao động thời vụ						180	4,0	720				50	4	200	4	800
							360					1.440					

Phụ lục 6

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI
TỈNH YÊN BÁI, GIAI ĐOẠN 2027-2030**

(Kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượt người	Tổng kinh phí	Chia theo cơ cấu nguồn kinh phí														
				Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu						Sinh viên đi học tại nước ngoài theo hình thức trao đổi sinh viên giữa các Trường CD, ĐH nước ngoài			Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn		
				Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số người	Mức hỗ trợ	Kinh phí
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
	TỔNG CỘNG (A+B)		716.470			529.825			21.720			10.065			3.660	151.200		
A	HỖ TRỢ LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI (HỢP ĐỒNG+ THỜI VỤ)	7.000	709.270	4.500		529.825	1.000	18,37	21.720	1.100		10.065	2.100		3.660	144.000		
I	HỖ TRỢ CHI PHÍ BAN ĐẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	7.000	115.270	4.500	19,15	79.825	1.000	18,37	21.720	1.100	9,15	10.065			3.660			
	Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề	6.000	19.000	4.500	4,0	14.250	1.500	4	4.750									
	Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn			1.000	4,0	4.000												
	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp			3.000	3,0	9.000												
	Người thuộc hộ cận nghèo			500	2,5	1.250	500	1,5	750									
	Đối tượng lao động khác						1.000	4,0	4.000									
	Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ			4.500	4	15.400	2.500	4	6.600	1.100	4	4.400	400	4	1.600			
	Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi	3.000	12.000	3.000	4,0	12.000												
2	Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.000	2.000	500	2,8	1.400	500	1,2	600									
	Đối với người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	2.000	4.000	1.000	2,0	2.000	1.000	2,0	2.000									
	Đối tượng lao động khác; chương trình trao đổi Sinh viên	1.400		1.000	4,0	4.000	1.000	4,0	4.000				400	4	1.600			
	Lao động thời vụ	1.100								1.100	4	4.400						

